

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09- 01-2018

“ V/v tranh chấp xin ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Bùi Hữu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2017/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “ Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 400/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N (Trần Thị N), sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Võ Hoàng L, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01.12.2017 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn chị N (N) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh L kết hôn năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh L có hai con chung là Võ Trần Hoàng T, sinh năm 1997 và Võ Trần Hoàng T, sinh năm 2000, hiện hai cháu đang sống với chị và anh L. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu T và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị và anh L có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh L không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại các lời khai tại Tòa án, phiên tòa anh Võ Hoàng L (Bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N (N) kết hôn năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay anh đồng ý ly hôn với chị N (N).

Về con chung: Anh và chị N có hai con chung là Võ Trần Hoàng T, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu. Riêng cháu Võ Trần Hoàng T, sinh năm 2000, sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu T cho chị N (N) nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị N (N) tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị N (N) không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Trần Thị N (Trần Thị N) và anh Võ Hoàng L là “*Tranh chấp xin ly hôn*” được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] *Về hôn nhân:* Chị N (N) và anh L kết hôn năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận. Mặc dù, chị N (N) và anh L thống nhất thuận tình ly hôn nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị mà căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị N (N) và anh L là vợ chồng.

[2] *Về con chung:* Chị N (N) và anh L có hai con chung là Võ Trần Hoàng T, sinh năm 1997 và Võ Trần Hoàng T, sinh năm 2000. Đối với cháu T, chị N (N) và anh L xác định đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly

hôn, chị N (N) và anh L thống nhất giao cháu T cho chị N (N) nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận ý kiến của Tòa án thì cháu T cũng có nguyện vọng sống với chị N (N). Xét sự thỏa thuận của chị N (N) và anh L về con chung là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu T và quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N (N) và anh L: Giao cháu T cho chị N (N) tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N (N) không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[3] *Về tài sản chung:* Chị N (N) và anh L thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về nợ chung:* Chị N (N) và anh L thống nhất không có nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Buộc chị N (N) phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, 14, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Thị N (N) và anh Võ Hoàng L là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Trần Thị N (N) và anh Võ Hoàng L: Giao cháu Võ Trần Hoàng T, sinh năm 2000 cho chị Trần Thị N (N) tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên; Anh Võ Hoàng L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Võ Hoàng L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị N (N) phải chịu số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền đã dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004032 ngày 14.12.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị N (N) đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THỊ TRÚC HẰNG